

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
Số: 232-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 1981

NGHỊ ĐỊNH

CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 232/CP NGÀY 6-6-1981 BAN HÀNH ĐIỀU LỆ
QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN
HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để tăng cường quản lý công tác xây dựng cơ bản;
Theo đề nghị của đồng chí chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước;
Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 7 và 8 tháng 11 năm 1980,

NGHỊ ĐỊNH

- Điều 1** - Ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản.
- Điều 2** - Điều lệ này thi hành thống nhất trong cả nước và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các văn bản ban hành trước đây trái với bản điều lệ này đều bãi bỏ.
- Điều 3** - Các đồng chí bộ trưởng, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Phạm Văn Đồng
(Đã ký)

ĐIỀU LỆ

QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 - Yêu cầu cơ bản của công tác quản lý xây dựng cơ bản.

Công tác quản lý xây dựng cơ bản phải thể hiện đúng đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và chính sách phát triển kinh tế, văn hoá của Đảng và Nhà nước, nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tốt tài nguyên của đất nước, tận dụng tiềm lực lao động, đất đai và mọi tiềm lực sản xuất khác để xây dựng thành công cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Chủ trương đầu tư và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản phải bảo đảm nhịp độ phát triển nền kinh tế một cách cân đối, nhịp nhàng, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý trong từng giai đoạn, đạt được hiệu quả kinh tế, tăng sản phẩm xã hội, tăng thu nhập quốc dân và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội.

Điều 2 - Những nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý xây dựng cơ bản

1. Thực hiện kế hoạch hoá toàn diện và đồng bộ công việc đầu tư xây dựng cơ bản, từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị xây dựng đến giai đoạn xây lắp, hoàn chỉnh công trình đầu tư, đưa công trình vào sản xuất, sử dụng.
2. Quản lý chặt chẽ hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư. Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế và vận dụng các đòn bẩy kinh tế nhằm kết hợp đúng đắn ba lợi ích, trong đó rất coi trọng lợi ích chính đáng của người lao động để sớm đưa các công trình vào sản xuất, sử dụng với chất lượng tốt, giá thành hạ.
3. Tuân thủ trình tự xây dựng cơ bản.
4. Thực hiện sự quản lý thống nhất của Nhà nước về kinh tế - kỹ thuật đối với toàn bộ công tác xây dựng cơ bản, nhằm bảo đảm đầu tư đúng phương hướng, nhiệm vụ của thời kỳ kế hoạch, đạt hiệu quả kinh tế cao và trình độ khoa học - kỹ thuật tiên tiến.
5. Phân định rõ chức năng quản lý Nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh, đề cao trách nhiệm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với việc sử dụng vốn đầu tư; phân định quản lý vốn đầu tư với quản lý xây dựng, thực hiện phân công, phân cấp hợp lý trong quản lý vốn đầu tư và quản lý xây dựng bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao.

Điều 3 - Phạm vi và trình tự xây dựng cơ bản.

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản chỉ được dùng để:
 - Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng, đổi mới kỹ thuật;

- Khai hoang trồng mới, xây dựng đồng ruộng, bảo vệ và cải tạo đất, gây đàn gia súc, gia cầm ban đầu ...;
- Xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng;
- Duy trì năng lực sản xuất của các xí nghiệp khai thác mỏ;
- Khôi phục các tài sản cố định bị thiên tai, địch hoạ làm hư hại.

2. Công tác xây dựng cơ bản phải được tiến hành đúng trình tự, theo ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị đầu tư, giai đoạn chuẩn bị xây dựng và giai đoạn xây lắp.

Các cơ quan lập kế hoạch, chủ quản đầu tư, chủ đầu tư, cũng như các cơ quan khác có liên quan đến thực hiện đầu tư đều phải tuân thủ các trình tự xây dựng cơ bản do bản điều lệ này quy định.

Điều 4 - Đối tượng đầu tư xây dựng cơ bản.

Đối tượng để được cấp vốn đầu tư xây dựng cơ bản là công trình hoặc liên hiệp công trình.

1. Công trình xây dựng phải thực hiện trên một địa điểm nhất định, một tuyến nhất định theo quy hoạch xây dựng hoặc trên địa điểm đã có công trình (nếu là xây dựng mở rộng, cải tạo, phục hồi). Mỗi công trình bao gồm một hoặc nhiều hạng mục công trình nằm trong dây chuyền công nghệ đồng bộ, hoàn chỉnh (có tính đến việc hợp tác sản xuất) để làm ra sản phẩm cuối cùng nêu rõ trong luận chính kinh tế kỹ thuật.

2. Liên hiệp công trình bao gồm nhiều công trình và hạng mục công trình tập trung tại một địa điểm hay một khu vực, hình thành các giai đoạn sản xuất rõ rệt và có liên quan hữu cơ với nhau về mặt công nghệ sản xuất, để làm ra sản phẩm cuối cùng hoặc để lợi dụng tổng hợp.

3. Hạng mục công trình không phải là đối tượng để được cấp vốn đầu tư xây dựng mới; không cho phép xé lẻ một công trình ra nhiều hạng mục công trình để xin vốn đầu tư.

Điều 5- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là toàn bộ chi phí để đạt được mục đích đầu tư, bao gồm chi phí cho việc chuẩn bị đầu tư; chi phí về thiết kế và xây dựng; chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị và các chi phí kiến thiết cơ bản khác ghi trong tổng dự toán được duyệt.

Điều 6- Trách nhiệm của các ngành, các cấp trong quản lý xây dựng cơ bản.

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương (sau đây gọi

chung là Ủy ban nhân dân tỉnh), là chủ quản đầu tư các công trình thuộc ngành hoặc địa phương quản lý.

Bộ trưởng chịu trách nhiệm thống nhất quản lý trong toàn ngành về chủ trương đầu tư và về các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong việc đầu tư xây dựng các công trình thuộc ngành hoặc lĩnh vực được phân công quản lý.

Chủ quản đầu tư trực tiếp chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh tế của các công trình và chịu trách nhiệm chung về kết quả cuối cùng của việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của ngành hoặc địa phương mình.

2. Người đứng đầu các tổ chức sản xuất, kinh doanh như liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty, công ty, xí nghiệp liên hợp, xí nghiệp, là chủ đầu tư các công trình xây dựng thuộc tổ chức mình.

Đối với các công trình không có tính chất sản xuất, kinh doanh thì người đứng đầu cơ quan hoặc tổ chức xã hội quản lý công trình ấy là chủ đầu tư.

Chủ đầu tư là người có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý vốn đầu tư và về hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Khi thay đổi người chủ đầu tư thì người mới thay thế phải chịu trách nhiệm thừa kế về toàn bộ công việc đầu tư.

3. Các tổ chức khảo sát, thiết kế, chế tạo và cung ứng thiết bị, thi công xây lắp, cung ứng vật tư và vận tải có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ các hợp đồng kinh tế ký kết với chủ đầu tư và các tổ chức xây lắp, và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện các hợp đồng đó.

Cơ quan quản lý cấp trên của các tổ chức nói trên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức trực thuộc thi hành đúng trách nhiệm đã được quy định trong bản điều lệ này.

4. Ngân hàng đầu tư và xây dựng có quyền tham gia việc thẩm tra luận chứng kinh tế kỹ thuật, nhất là thẩm tra hiệu quả kinh tế của vốn đầu tư; khi chủ trương đầu tư đã được xét duyệt và đã có chỉ tiêu kế hoạch xây dựng của Nhà nước, ngân hàng có trách nhiệm bảo đảm cho vay và cấp vốn (sau đây gọi chung là cấp vốn) theo tiến độ xây dựng; phải bồi thường thiệt hại do việc giải quyết vốn chậm trễ gây ra; đồng thời có trách nhiệm thu hồi vốn đã bỏ ra; ngân hàng có quyền từ chối không cấp vốn nếu xét thấy việc sử dụng vốn đã cấp không đúng mục đích đầu tư, đối tượng đầu tư, sai chế độ chính sách của Nhà nước.

Chương II

CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Điều 7 - Công tác chuẩn bị đầu tư.

Tất cả các công trình dự định đầu tư đều phải được chuẩn bị chu đáo các công việc sau đây:

1. Xác định rõ sự cần thiết phải xây dựng công trình.
2. Tiến hành tiếp xúc, thăm dò thị trường trong nước hoặc ngoài nước, nếu là công trình có liên quan đến nguồn cung ứng vật tư thiết bị hoặc tiêu thụ sản phẩm trong nước hoặc ngoài nước.
3. Tiến hành điều tra, khảo sát và chọn địa điểm để có căn cứ lập luận chứng kinh tế kỹ thuật.
4. Lập, thẩm tra, xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Điều 8 - Luận chứng kinh tế kỹ thuật.

1. Tất cả các cơ quan, đơn vị có công trình đầu tư (không phân biệt nguồn vốn, hình thức đầu tư cũng như cấp quản lý) từ nay không lập nhiệm vụ thiết kế mà phải lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, để từ đó quyết định chủ trương đầu tư.

Riêng đối với những công trình có vị trí quan trọng quyết định cơ cấu và tốc độ phát triển nền kinh tế quốc dân, thì trước khi lập luận chứng kinh tế kỹ thuật phải có dự án đầu tư. Dự án đầu tư này được vận dụng theo nội dung quy định ở điều 9 của bản điều lệ này.

2. Chủ đầu tư là người lập và trình luận chứng kinh tế kỹ thuật để chủ quản đầu tư xét duyệt, hoặc để chủ quản đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt nếu là công trình thuộc diện Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

Khi lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, chủ đầu tư hoặc chủ quản đầu tư có nhiệm vụ và có quyền yêu cầu các cơ quan quản lý hữu quan của Nhà nước phát biểu ý kiến về các vấn đề có liên quan đến công trình như tài nguyên, nguồn nước, điện, vận tải, môi trường, phòng cháy, bảo vệ di tích văn hoá, lịch sử, quốc phòng, v.v... Các cơ quan được yêu cầu phát biểu ý kiến phải trả lời chính thức bằng văn bản về phần mình quản lý trong thời hạn quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về những tài liệu do mình cung cấp.

Điều 9 - Nội dung luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Nội dung chủ yếu để làm căn cứ tính toán, lập, xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật là:

1. Sự cần thiết phải đầu tư.